

TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 31-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 7

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Nguyễn Hồng Phong.

Thẩm phán: Thượng tá Kiều Trung Kiên.

Các Hội thẩm quân nhân:

Trung tá Vũ Ngọc Quang;

Trung tá Nguyễn Thanh Điền;

Thiếu tá Nguyễn Thành Vinh.

Thư ký phiên tòa: Thượng úy Phạm Minh Đô, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 7.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 7 tham gia phiên tòa:
Thượng tá Trần Thị Xuân Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 17/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HS ngày 17/7/2025 đối với bị cáo:

Lê Trường A, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 09/3/1979, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: A N, KP B, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi cư trú trước khi bị bắt: Nhà 3.1 Lô D1, Chung cư M, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); CCCD số: 079079002898; cấp ngày: 26/6/2019; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội/Bộ Công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Lê Thị N1; đã ly hôn; có 02 con sinh năm 2007 và 2016; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo Lê Trường A bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/3/2024 đến nay, tại Trại tạm giam K35/Quân khu G; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Nguyễn Thê H và ông Lê Tiến M, Luật sư thuộc Công ty L - Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Bị hại:

1. Phạm Thị Phương T; sinh ngày 04/02/1986; nơi cư trú: P T, N, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Võ Thị Ngọc T1; sinh ngày 03/01/1974; nơi cư trú: 2 X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị Trúc P; sinh ngày 02/12/1991; nơi cư trú: B L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh T2; có mặt.
2. Nguyễn Trường T3; có mặt.
3. Trần Võ Tấn T4; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023, Lê Trường A đã thực hiện 02 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị Phương T và chị Võ Thị Ngọc T1. Cụ thể:

Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của chị Phạm Thị Phương T

Vào khoảng năm 2017, Lê Trường A là quân nhân công tác tại Ban CHQS quận B Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh với cấp bậc Đại úy, chức vụ Trợ lý Tham mưu. Sau đó, tháng 02/2018 Lê Trường A được phục viên trở về địa phương. Đến ngày 27/11/2023, A mặc quân phục sĩ quan Quân đội mang cấp hàm Thượng úy đến Cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm pháo hoa số 25 của Công ty TNHH MTV H1 tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp chị Phạm Thị Phương T là cộng tác viên của cửa hàng giới thiệu mình là quân nhân và hỏi mua 200 thùng pháo hoa. Do cửa hàng chị T không có sẵn số lượng pháo hoa như trên nên hai bên thống nhất chị T sẽ bán cho A 80 thùng pháo hoa (*bao gồm: 20 thùng phun viên gồm 480 giàn; 31 thùng phun viên đặc biệt gồm 1.116 giàn và 29 thùng phun hoa 25 gồm 1.044 giàn*) với giá 797.640.000 đồng. (Số pháo hoa này đã được cửa hàng bán cho chị T)

Để tạo niềm tin với chị T, trưa ngày 11/12/2023, A liên hệ anh Nguyễn Thanh T2 (Thiếu tá, Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn KSQS 31/BTLTPHCM) và mượn xe ô tô của đơn vị cùng một số chiến sĩ giúp A chuyển nhà, T2 đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 11/12/2023, T2 giao cho Nguyễn Trường T3 điều khiển xe ô tô đơn vị quản lý biển số KP 40-60, cùng 04 chiến sĩ đi đến địa điểm do A chỉ dẫn là Cửa hàng pháo hoa số 25.

Khi xe ô tô tải Biển số KP 40-60 đến cửa hàng P1, A nói với chị T “có xe quân sự đến chở, lấy pháo về thủ quỹ kiểm đếm đủ số lượng sẽ chuyển tiền trả sau”. Do tin tưởng A là quân nhân, có xe biển số Quân đội cùng một số chiến sĩ mặc quân phục đi theo để nhận pháo hoa nên T tin và giao 80 thùng pháo hoa cho A như thỏa thuận mà chưa lấy tiền. Do Lê Trường A quen biết chị Nguyễn Thị Trúc P từ trước, nên vào tháng 11/2023, P đã nhờ A làm giấy phép kinh doanh và tìm nơi cung cấp pháo hoa do Bộ Q sản xuất để bán vào dịp Tết Nguyên đán năm 2024. Đến 18 giờ cùng ngày sau khi nhận được 80 thùng pháo

hoa, A nhờ quân nhân T3 chở 80 thùng pháo hoa đến cửa hàng P2 tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của chị Nguyễn Thị Trúc P. Tại đây, A nói với chị P đã mua 80 thùng pháo hoa từ T với giá là 797.640.000 đồng và giao toàn bộ 80 thùng pháo hoa nói trên cùng hóa đơn cho P để bán tại cửa hàng Phương Nguyễn B và lấy đủ số tiền 797.640.000 đồng.

Sau khi lấy được 797.640.000 đồng tiền bán được 80 thùng pháo hoa nêu trên từ Nguyễn Thị Trúc P, A chỉ trả tiền cho chị T 300.000.000 đồng vào ngày 12/12/2023 và ngày 13/12/2023. Số tiền còn lại 497.640.000 đồng A sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau đó, chị Phạm Thị Phương T nhiều lần liên hệ yêu cầu Lê Trường A trả số tiền 497.640.000 đồng còn nợ nhưng A chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Đến ngày 26/01/2024, chị T làm đơn tố cáo Lê Trường A về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1/Quân khu 7.

Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của chị Võ Thị Ngọc T1

Vào tối ngày 24/8/2023, Lê Trường A gặp chị Võ Thị Ngọc T1 đang tập thể dục tại chung cư M, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, do đã có mối quan hệ quen biết từ lâu nên hai người đứng nói chuyện với nhau. Trong lúc nói chuyện, chị T1 kể cho A biết hiện mình có hai người con trai là Trần Võ Tấn T4 và Trần Võ Tấn Đ hiện đang là chiến sĩ công an phục vụ có thời hạn tại Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và chị T1 có mong muốn hai người con của mình được tuyển dụng phục vụ lâu dài trong ngành Công an nhưng không có mối quan hệ quen biết với ai. Nghe vậy A nói với chị T1: “Em làm trong Quân đội có quen biết nhiều, chị cho em số điện thoại để em hỏi thử, có gì em liên lạc chị sau”. Sau đó, bị cáo cho chị T1 số điện thoại 0901818191 của mình.

Đến ngày 25/8/2023, mặc dù A không có khả năng lo cho hai người con của chị Thu phục V lâu dài trong ngành Công an nhưng A dùng số điện thoại 0901818191 kết bạn qua mạng xã hội Zalo với chị T1 và nói mình có quen biết nhiều cán bộ cấp cao, hứa sẽ giúp chị T1 lo cho Trần Võ Tấn T4 và Trần Võ Tấn Đ được tuyển dụng vào biên chế, ở lại phục vụ lâu dài trong ngành Công an, chi phí cho mỗi trường hợp là 300.000.000 đồng, hai người là 600.000.000 đồng, để A đi quan hệ nhờ giúp đỡ nên chị T1 đồng ý. Từ cuối tháng 8/2023 trở đi, A thường xuyên yêu cầu chị T1 chuyển tiền cho mình để xử lý việc mà chị T1 nhờ nhưng chị T1 chưa có tiền nên chưa chuyển cho A.

Từ ngày 04/12/2023 đến ngày 11/12/2023, chị T1 sử dụng số tài khoản 681068686868 của mình được mở tại Ngân hàng T5 Chi nhánh B1 chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 290879797979 của Lê Trường A mở tại Ngân hàng T5. Số tiền 300.000.000 đồng còn lại, chị T1 và A thỏa thuận đến khi có quyết định tuyển dụng của T4 và Đ thì chị T1 sẽ đưa đủ.

Sau khi nhận chuyển khoản được số tiền 300.000.000 đồng, A không liên hệ gì để xin biên chế phục vụ lâu dài trong ngành Công An cho hai con chị T1 như đã hứa mà chỉ tiêu cá nhân và chơi game qua mạng tại App “HB88”.

Ngày 03/02/2024, hai người con trai của chị Thu nhận “Quyết định về việc xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ”, phải ra quân và không được tuyển dụng vào biên chế ngành Công an. Sau khi sự việc xảy ra, chị T1 nhiều lần liên hệ A để đòi lại số tiền 300.000.000 đồng đã đưa cho A nhưng A không trả.

Ngày 06/3/2024, chị Võ Thị Ngọc T1 đến Công an P3, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo nội dung vụ việc và nộp đơn tố cáo Lê Trường A về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, bằng các thủ đoạn gian dối khác nhau Lê Trường A đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị Phương T và chị Võ Thị Ngọc T1 tổng số tiền 783.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trường A thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại Phạm Thị Phương T khai tại Cơ quan Điều tra: Ngày 27/11/2023 A mặc quân phục đến cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm pháo hoa số 25 của Công ty TNHH MTV H1 tại địa chỉ số B L, Phường A, quận T, TP . gặp chị Phạm Thị Phương T là cộng tác viên của cửa hàng giới thiệu mình là quân nhân và hỏi mua 200 thùng pháo hoa. Do cửa hàng chị T không có sẵn số lượng pháo hoa như trên nên hai bên thống nhất chị T sẽ bán cho A 80 thùng pháo hoa (*bao gồm: 20 thùng phun viên gồm 480 giàn; 31 thùng phun viên đặc biệt gồm 1.116 giàn và 29 thùng phun hoa 25 gồm 1.044 giàn*) với giá 797.640.000 đồng. Khoảng 16g ngày 11/12/2023 có xe ô tô tải Biển kiểm soát KP 40-60 đến cửa hàng lấy pháo. A chỉ trả được 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại 497.640.000 đồng A không trả. Hiện tại đã nhận lại được 39 thùng pháo và được bồi thường 124.440.000 đồng. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Võ Thị Ngọc T1 khai tại phiên tòa: Do mong muốn hai con là Trần Võ Tấn T4 và Trần Võ Tấn Đ hiện là chiến sĩ công an phục vụ có thời hạn tại Công an quận B, TP . được tuyển dụng phục vụ lâu dài trong ngành Công an nên đã nhờ A giúp đỡ với chi phí là 600.000.000 đồng. Từ ngày 04/12/2023 đến ngày 11/12/2023, chị T1 sử dụng số tài khoản 681068686868 của mình được mở tại Ngân hàng T5 Chi nhánh B1 chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 290879797979 của Lê Trường A mở tại Ngân hàng T5. Số tiền 300.000.000 đồng còn lại, chị T1 và A thỏa thuận đến khi có Quyết định tuyển dụng của T4 và Đ thì chị T1 sẽ đưa đủ. Tuy nhiên A không lo được và cũng không trả lại tiền. Hiện nay đã nhận lại được 300.000.000 đồng. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Nguyễn Thị Trúc P khai tại phiên tòa: 80 thùng pháo hoa giao cùng hóa đơn, A bán lại cho chị P và chị P đã thanh toán 797.640.000 đồng cho A. Chị P sẽ tự giải quyết việc này với gia đình A.

Người làm chứng Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Trường T3 khai tại phiên tòa: Ngày 11/12/2023 A có gọi điện thoại cho T2 mượn xe để chuyển nhà. Do cả nể T2 đã giao cho Nguyễn Trường T3 cùng 04 chiến sĩ dùng xe ô tô Biển kiểm soát KP 40-60 đến chở 80 thùng pháo tại cửa hàng P1.

Người làm chứng Trần Võ Tấn T4 khai tại phiên tòa: Trước khi xuất ngũ 1 tháng có nghe mẹ nói đã nhờ Lê Trường A lo cho hai anh em vào biên chế công an với giá 600.000.000 đồng. A đã nhận 300.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản/Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định giá trị 80 thùng pháo hoa là 783.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-B1 ngày 17/4/2025 Viện kiểm sát quân sự Quân khu 7 truy tố Lê Trường A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đồng thời phân tích các chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội, tính chất hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cụ thể như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Trường A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trường A từ 07 năm đến 08 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Bị hại Phạm Thị Phương T và Võ Thị Ngọc T1 đã nhận lại toàn bộ số tiền 783.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu OPPO A77SS và sim số 0901818191 của Lê Trường A.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Các luật sư cũng nhất trí với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị còn nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét đến nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo đề tuyên phạt cho bị cáo một mức án thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì bổ sung.

Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình để xem xét tuyên phạt một mức án nhẹ nhất, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực/ Quân khu G, Cơ quan Điều tra hình sự Quân khu G, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 7, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Trường A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, thể hiện:

Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 11/12/2023 Lê Trường A đã đưa ra các thông tin gian dối như mang mặc trang phục Quân đội giới thiệu mình là quân nhân khi đã phục viên, lợi dụng xe ô tô, uy tín của Quân đội để mua 80 thùng pháo hoa từ chị Phạm Thị Phương T tại Cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm pháo hoa số 25/ Công ty TNHH MTV H1 tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo A chỉ trả cho T 300.000.000 đồng, chiếm đoạt 483.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ tháng 8/2023, bị cáo Lê Trường A thực tế không có khả năng xin cho hai người con của chị T1 tuyển dụng vào biên chế phục vụ lâu dài trong ngành Công an nhân dân, nhưng A vẫn đưa ra các thông tin gian dối để tạo lòng tin chiếm đoạt của chị Võ Thị Ngọc T1 số tiền 300.000.000 đồng.

Hành vi của Lê Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Với số tiền chiếm đoạt 783.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo về tội danh điều luật là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trường A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu đối với tài sản. Bị cáo Lê Trường A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội do mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Trường A có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Trường A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Phạm Thị Phương T và chị Võ Thị Ngọc T1. Quá trình công tác trong Quân đội bị cáo được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Nhì. Ngoài ra, cha bị cáo được tặng Huy chương bảo vệ Tổ quốc Hạng Ba và nhiều Giấy khen, Bằng khen, mẹ bị cáo được tặng bằng khen về tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Có thành tích xuất sắc trong công tác” quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, xem xét tính chất nghiêm trọng của vụ án, hành vi nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị của luật sư xử phạt bị cáo thấp hơn mức hình phạt đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ.

Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền bị cáo chiếm đoạt bị hại Phạm Thị Phương T là 483.000.000 đồng và của bị hại Võ Thị Ngọc T1 là 300.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Do gia đình bị cáo đã giúp đỡ bị cáo bồi thường xong. Các bị hại không có ý kiến gì khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Trúc P đề nghị được tự giải quyết việc thỏa thuận hợp tác kinh doanh pháo hoa và các khoản tiền bị cáo đã nhận với gia đình bị cáo. Xét thấy yêu cầu này là tự nguyện phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ 39 thùng pháo hoa (*gồm: 15 thùng phun viên gồm 360 giàn; 04 thùng phun viên đặc biệt gồm 144 giàn và 20 thùng phun hoa*

25 gồm 720 giờ); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A77S số Imei 1: 866996061149375, Imei 2: 866996061149367 và sim số: 0901818191 của bị cáo Lê Trường A.

Ngày 02/7/2024, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1/Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 39 thùng pháo hoa cho chị Phạm Thị Phương T. Xét thấy, Quyết định này là đúng quy định pháp luật nên không xét lại.

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A77S số Imei 1: 866996061149375, Imei 2: 866996061149367 là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 sim điện thoại số 0901818191 căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Lê Trường A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trường A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 08/3/2024.

2. Về biện pháp tư pháp

Ghi nhận số tiền 483.000.000 (bốn trăm tám mươi ba triệu) đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị Phương T và 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng của bị hại Võ Thị Ngọc T1, đã được bồi thường xong.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A77S.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Lê Trường A: 01 (một) sim số 0901818191.

Theo biên bản thu giữ ngày 06/3/2024 của Công an P3, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Trường A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2025), đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:

- VKSQSQK7 và VKSQSTW
- CQ ĐTHSKV1/QK7;
- CQ ĐTHSQK7;
- Cơ quan THAHSQK7;
- PTHAQK7;
- Trại tạm giam K35/QK7
- Bị cáo, Luật sư;
- Bị hại;
- NCQLNVLQĐVA;
- Lưu HS vụ án; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Nguyễn Hồng Phong

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

**CÁC HỘI THẨM
QUÂN NHÂN**

Thượng tá Nguyễn Bá An

Thượng tá Phạm Thanh Nhân

Thiếu tá Lê Chánh Tín